

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/ DS-ST
Ngày: 27 - 12 - 2022
V/v *Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hui*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 200/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Thanh Ng, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.(có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Thạch R, sinh năm 1966 và bà Thạch Thị Sa N, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của bà Thạch Thị Thanh Ng là nguyên đơn như sau:

Bà Thạch Thị Thanh Ng có tham gia góp hui 13 dây hui loại 3.000.000 đồng/phần mở cùng ngày 25/01/2020, các dây hui này bao gồm: Dây 24, 25, 27, 28, 29, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52 và 53 do bà Thạch Thị Sa N và ông Thạch R làm

đầu thảo (chủ hội). Khi góp hội chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản nhưng đầu thảo có lập danh sách hội viên, hội mỗi dây gồm 15 phần, nửa tháng khai một lần. Khi mỗi hội viên hót hội thì đầu thảo hưởng huê hồng số tiền 900.000 đồng. Trong 13 dây hội này mỗi dây bà Ng tham gia 01 phần lấy tên là “Mau Rườn” hoặc “Mao Ròn”. Bà Sa N đã ngưng khai hội ở lần khai thứ 09, số tiền vốn bà Ng đã đóng cho bà Sa N được 08 lần sống, cụ thể như sau:

Dây hội số 24 với số tiền 8.320.000 đồng; Dây 25 với số vốn 8.380.000 đồng; Dây 27 với số vốn 8.720.000 đồng; Dây 28 với số vốn 8.480.000 đồng; Dây 29 đóng được 8.480.000 đồng; Dây số 46 đóng được 9.000.000 đồng; Dây 47 đóng được 8.550.000 đồng; Dây số 48 đóng 8.540.000 đồng; Dây 49 đóng 8.620.000 đồng; Dây số 50 đóng 8.590.000 đồng; Dây số 51 đóng 8.630.000 đồng; Dây số 52 đóng 8.500.000 đồng; Dây số 53 đóng 8.440.000 đồng. Tổng cộng số tiền vốn bà Ng đã đóng trong 13 dây hội này là 111.250.000 đồng.

Nay bà Thạch Thị Thanh Ng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thạch R và bà Thạch Thị Sa N trả nợ hội đối với 13 dây hội nêu trên với tổng số tiền là 111.250.000 đồng. Bà Thạch Thị Thanh Ng không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra bà Thạch Thị Thanh Ng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt với lý do trong thời gian Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa gia đình bà Ng có tổ chức lễ cưới cho con trai ruột của mình.

Bà Thạch Thị Sa N và ông Thạch R là đồng bị đơn vắng mặt và không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn nhiều lần vắng mặt chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điều 26, 35, 39; 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 471, 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phùng;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Thanh Ng. Buộc ông Thạch R và bà Thạch Thị Sa N phải trả cho bà Thạch Thị Thanh Ng số tiền nợ hội 111.250.000 đồng. Do bà Ng không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Thạch Thị Thanh Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bà Thạch Thị Sa N và ông Thạch R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Thạch Thị Thanh Ng, bà Thạch Thị Sa N và ông Thạch R.

Về quan hệ pháp luật: Bà Thạch Thị Thanh Ng khởi kiện bà Thạch Thị Sa N và ông Thạch R để yêu cầu trả tiền nợ hui. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện bà Thạch Thị Thanh Ng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thạch Thị Sa N và ông Thạch R phải trả tiền nợ hui với tổng số tiền vốn bằng 111.250.000 đồng, đối với 13 dây hui loại 3.000.000 đồng/phần mở cùng ngày 25/01/2020, gồm các dây hui: Dây 24, 25, 27, 28, 29, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52 và 53. Bà Ng không yêu cầu tính lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Thanh Ng, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà Thạch Thị Thanh Ng với bà Thạch Thị Sa N có hợp đồng góp hui với nhau là có thật. Tuy khi góp hui các bên không lập thành văn bản nhưng chủ hui có lập danh sách hui viên và gửi cho các hui viên tham gia, qua xác minh các hui viên trong các dây hui như bà Thạch Thị S, bà Thạch Thị S1, bà Sơn Thị Th, bà Thạch Thị Na R, bà Nguyễn Thị M, bà Thạch Thị Trâm Tr, bà Sơn Thị H, bà Thạch Thị H, ông Sơn Rone thể hiện bà Thạch Thị Thanh Ng có tham gia góp 13 dây hui loại hui 3.000.000 đồng /phần mở cùng ngày 25 tháng 01 năm 2020 gồm các dây: Dây 24, 25, 27, 28, 29, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52 và 53 do bà Thạch Thị Sa N và ông Thạch R làm đầu thảo. Đồng thời qua đối chiếu nợ hui giữa bà Thạch Thị Thanh Ng và bà Thạch Thị Sa N thì bà Sa N đã thừa nhận bà Ng có tham gia các dây hui do bà Sa N làm đầu thảo, trong 13 dây hui trên bà Ng đã đóng hui sống cho bà Sa N được tổng số tiền vốn là 111.250.000 đồng.

[4] Xét việc bà Sa N và ông Thạch R với vai trò là chủ hui, là người tổ chức, quản lý dây hui, thu các phần hui và giao lại cho các thành viên được lĩnh hui trong mỗi kỳ mở hui cho tới khi kết thúc dây hui nhưng bà Sa N ngưng khai hui khi chưa kết thúc dây hui là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hui được quy định tại Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường. Do đó căn cứ vào Điều 15, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP việc bà Thạch Thị Thanh Ng khởi kiện ông bà Sa N, ông R để yêu cầu trả nợ hui là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét thấy ông Thạch R, bà Thạch Thị Sa N là vợ chồng, việc góp hui diễn ra công khai trong một thời gian dài, việc góp hui thu lợi cũng phục vụ cho nhu cầu của gia đình nên ông Thạch R, bà Thạch Thị Sa N phải có nghĩa vụ liên đới trả

nợ cho bà Ng số tiền nợ 111.250.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về tiền lãi, do bà Thạch Thị Thanh Ng không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Do bà Thạch Thị Thanh Ng được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc ông Thạch R và bà Thạch Thị Sa N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 471, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Thanh Ng. Buộc ông Thạch R và bà Thạch Thị Sa N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thạch Thị Thanh Ng số tiền là 111.250.000 đồng đối với 13 dây hụi loại hụi 3.000.000 đồng /phần mở cùng ngày 25 tháng 01 năm 2020 gồm các dây: Dây 24, 25, 27, 28, 29, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52 và 53 .

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Thạch R và bà Thạch Thị Sa N nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 5.562.500 đồng.

Bà Thạch Thị Thanh Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Thạch Thị Thanh Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C, cụ thể như sau:

- Số tiền 257.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002281 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 263.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002280 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 254.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0002279 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 256.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002277 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 257.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0002276 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 258.300 đồng theo biên lai thu tiền số 0002275 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 217.800 đồng theo biên lai thu tiền số 0002274 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 208.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002278 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 260.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002273 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 258.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0002272 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 225.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002271 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 257.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002270 ngày 13/4/2021;
- Số tiền 258.800 đồng theo biên lai thu tiền số 0002269 ngày 13/4/2021;

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng